

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Tên chương trình	: Điều dưỡng
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Ngành đào tạo	: Điều dưỡng
Tên tiếng Anh	: Nursing
Loại hình đào tạo	: Chính quy – hệ tín chỉ
Mã ngành	: 51720501

(Ban hành theo Quyết định số. 191/QĐ-ĐT, ngày 15. tháng 07. năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ đại học, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, và hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- Khiêm tốn học tập vươn lên.

Về kiến thức

Trình bày và áp dụng được:

- Những quy luật cơ bản về:
 - Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.
 - Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

- Những nguyên tắc cơ bản về chăm sóc, chẩn đoán điều dưỡng và phòng bệnh.
- Luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ của nhân dân.
- Phương pháp luận khoa học trong công tác chăm sóc, phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

Về kỹ năng

Cử nhân điều dưỡng có khả năng:

- Tổ chức thực hiện tốt y lệnh của Bác sỹ, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với Bác sỹ để chăm sóc và nâng cao sức khoẻ người bệnh.
- Thực hiện được đầy đủ và thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng.
- Xây dựng, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng.
- Làm tốt công tác quản lý ngành, tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng và các nhân viên Y tế.
- Áp dụng y học cổ truyền trong công tác chăm sóc, phòng và chữa bệnh.
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp nhằm phòng chống dịch.
- Tư vấn, giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và cộng đồng.
- Phối hợp thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu, kế hoạch hoá gia đình, nâng cao sức khoẻ cộng đồng và bảo vệ môi trường sức khoẻ.
- Có kiến thức cơ bản về tin học, sử dụng được tiếng Anh để đọc và hiểu được tài liệu chuyên môn.

1.3. Vị trí công tác

- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân điều dưỡng có thể được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ sở khám chữa bệnh ở các tuyến trung ương, tỉnh, huyện, cộng đồng và các cơ sở đào tạo cán bộ y tế.
- Có thể tiếp tục học sau khi tốt nghiệp: Cử nhân đại học điều dưỡng, điều dưỡng trưởng, điều dưỡng chuyên khoa...

1.4. Mô tả nhiệm vụ của người điều dưỡng

- Thực hành chăm sóc và giáo dục sức khỏe:
 - Đón tiếp, giáo dục và tư vấn cho người bệnh, nhân dân đến cơ sở y tế để khám, chữa bệnh hoặc yêu cầu tư vấn.
 - Xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng.

- Theo dõi và phát hiện những diễn biến của bệnh, ghi chép đầy đủ vào phiếu theo dõi và trao đổi với Bác sỹ điều trị.
- Thực hiện cấp cứu ban đầu và tham gia cấp cứu người bệnh.
- Thực hiện và tổ chức thực hiện y lệnh của thầy thuốc, hỗ trợ bác sỹ tiến hành các thủ thuật điều trị.
- Chăm sóc người bệnh giai đoạn cuối, thực hiện tốt chế độ tử vong.
- Tham gia chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cộng đồng trong phạm vi được phân công.
- Quản lý Điều dưỡng:
 - Quản lý buồng bệnh, người bệnh, phòng khám nơi làm việc.
 - Quản lý trang thiết bị, thuốc, hồ sơ bệnh án và các tài sản khác.
 - Quản lý công tác hành chính tại khoa phòng, viện, bệnh viện.
 - Quản lý, điều hành và sử dụng nhân lực để chăm sóc, phục vụ người bệnh.
 - Điều hành, giám sát các hoạt động điều dưỡng và thực hiện các chế độ của đơn vị.
- Thực hiện công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học:
 - Giúp đỡ đồng nghiệp, tham gia đào tạo, huấn luyện cán bộ, nhân viên y tế.
 - Tham gia nghiên cứu về điều dưỡng và các NCKH khác trong phạm vi có thể.
 - Tham dự các lớp đào tạo liên tục, nâng cao trình độ chuyên môn và tự học để nâng cao nghiệp vụ.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC: 115 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

6.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 32 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

6.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	001231	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	5	75		
2	000565	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45		001840(a)
3	001840	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		001231(a)
		Tổng	10	150		

6.1.2. Ngoại ngữ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	000047	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
5	000048	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	000047(a)
6	001795	TOEIC 1	3	30	30	000048(a)
7	001796	TOEIC 2	3	30	30	001795(b)
		Tổng	12	120	120	

6.1.3. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
8	001760	Tin học văn phòng – TH	2		60	
9	001438	Sinh học và di truyền	2	15	30	
10	001882	Vật lý đại cương và lý sinh	2	15	30	
11	001937	Xác suất, thống kê y học	2	15	30	
12	070003	Hóa học	2	30		
		Tổng	10	75	150	

6.1.4. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
13	000592	Giáo dục thể chất 1	1		30	
14	000593	Giáo dục thể chất 2	1		30	
15	000594	Giáo dục thể chất 3	1		30	
		Tổng	3		90	

6.1.5. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
16	000585	Giáo dục quốc phòng	9	117	18	
		Tổng	9	117	18	

6.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 83 tín chỉ

6.2.1. Kiến thức cơ sở: 32 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
17	000561	Dược lý điều dưỡng	2	30		
18	001891	Vệ sinh môi trường	1	15		
19	070227	Giải phẫu	3	30	30	

20	070237	Sinh lý	2	30		
21	001298	Pháp luật và Tổ chức y tế	1	15		
22	070238	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	30		070227(a)
23	001899	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	30		
24	000407	Dịch tễ học	2	30		
25	070223	Điều dưỡng cơ bản 1	5	30	90	001899(a) 070227(a)
26	070224	Điều dưỡng cơ bản 2	5	30	90	
27	000685	Hóa sinh	2	30		070003(a)
28	070440	Dinh dưỡng - Tiết chế	1	15		
29	001463	SK-Nâng cao SK & hành vi con người	1	15		
30	001951	Tâm lý Y học - Y đức	1	15		
31	001956	Y học cổ truyền	2	15	30	
		Tổng	32	360	240	

6.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 42 tín chỉ

6.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 39 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
32	070432	CSSK người bệnh cao tuổi 1	2	30		
33	070431	CSSK người lớn bệnh ngoại khoa 1	3	45		070223(a)
34	070435	CSSK người lớn bệnh ngoại khoa 1-TH	2		90	070431(a)
35	070433	CSSK người lớn bệnh nội khoa 1	3	45		070223(a)
36	070436	CSSK người lớn bệnh nội khoa 1 - TH	2		90	070433(a)
37	070434	CSSK tâm thần 1	2	30		
38	000167	CS người bệnh cấp cứu và CS tích cực	2	15	30	070223(a)
39	000588	GDSK trong thực hành điều dưỡng	2	15	30	
40	000598	Giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	2	15	30	
41	070231	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	1	15		
42	001305	Chăm sóc phục hồi chức năng	2	15	30	070433(a)
43	000206	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	2	30		
44	000207	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1-TH	2		90	000206(a)
45	000215	CSSK trẻ em 1	2	30		

46	000216	CSSK trẻ em 1 - TH	2		90	000215(a)
47	001341	Quản lý điều dưỡng	1	15		
48	000183	CSSK cộng đồng 1	1	15		
49	000184	CSSK cộng đồng 1 - TH	2		90	000183(a)
50	001629	Thực hành nghiên cứu khoa học (điều dưỡng)	2	15	30	
51	000028	Anh văn chuyên ngành điều dưỡng	2	15	30	000048(a)
		Tổng	39	345	630	

6.2.2.2. Kiến thức tự chọn: 3 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
52	000187	CSSK người bệnh cao tuổi 2	2	30		070432(a)
53	000198	CSSK người lớn bệnh ngoại khoa 3	2	30		
54	000208	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	2	30		000206(a)
55	000189	CSSK người bệnh truyền nhiễm	2	30		
56	000212	CSSK tâm thần 2	2	30		070434(a)
57	000217	CSSK trẻ em 2	2	30		000215(a)
58	000188	CSSK người bệnh cao tuổi 2 - TH	1		45	000187(a)
59	000199	CSSK người lớn bệnh ngoại khoa 3-TH	1		45	000198(a)
60	000209	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 - TH	1		45	000208(a)
61	000190	CSSK người bệnh truyền nhiễm - TH	1		45	000189(a)
62	000213	CSSK tâm thần 2 - TH	1		45	000212(a)
63	000218	CSSK trẻ em 2 - TH	1		45	000217(a)

6.3. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp/ Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp): 9 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
64	070438	Thực tập cuối khóa cao đẳng – Điều dưỡng	4		180	
65	000774	Khóa luận tốt nghiệp cao đẳng – Điều dưỡng	5		225	
		Tổng	9		405	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c): học phần song hành.

7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN)

Lưu ý: Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
Học kỳ 1							
Học phần bắt buộc				10	105	90	
1	000047	Anh văn giao tiếp 1	0201000047	3	30	30	
2	000561	Dược lý điều dưỡng	020100561	2	30	0	
3	001438	Sinh học và di truyền	02010001438	2	15	30	
4	001937	Xác suất và thống kê y học	0201001937	2	15	30	
5	001951	Tâm lý Y học - Y đức	0201001951	1	15	0	
Học kỳ 2							
Học phần bắt buộc				11	150	30	
1	001231	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	0201001231	5	75	0	
2	001298	Pháp luật và tổ chức y tế	0201001298	1	15	0	
3	070227	Giải phẫu	0201070227	3	30	30	
4	070237	Sinh lý	0201070237	2	30	0	
Học kỳ 3							
Học phần bắt buộc				11	135	60	
1	000048	Anh văn giao tiếp 2	0201000048	3	30	30	000047(a)
2	001840	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0201001840	2	30	0	001231(a)
3	001882	Vật lý đại cương và lý sinh	0201001882	2	15	30	
4	001899	Vi sinh - Ký sinh trùng	0201001899	2	30	0	
5	070003	Hóa học	0201070003	2	30	0	
Học kỳ 4							
Học phần bắt buộc				16	150	180	
1	000565	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0201000565	3	45	0	001840(a)
2	000685	Hóa sinh	0201000685	2	30	0	070003(a)
3	001463	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	0201001463	1	15	0	
4	001760	Tin học văn phòng - Thực hành	0201001760	2	0	60	
5	001795	TOEIC 1	0201001795	3	30	30	000048(a)
6	070223	Điều dưỡng cơ bản 1	0201070223	5	30	90	070227(a) 001899(a)
Học kỳ 5							
Học phần bắt buộc				15	150	150	
1	000407	Dịch tễ học	0201000407	2	30	0	
2	001796	TOEIC 2	0201001796	3	30	30	001795(b)
3	001891	Vệ sinh môi trường	0201001891	1	15	0	
4	001956	Y học cổ truyền	0201001956	2	15	30	
5	070224	Điều dưỡng cơ bản 2	0201070224	5	30	90	

6	070238	Sinh lý bệnh - miễn dịch	0201070238	2	30	0	070227(a)
Học kỳ 6							
Học phần bắt buộc				13	135	120	
1	000028	Anh văn chuyên ngành điều dưỡng 1	0201000028	2	15	30	000048(a)
2	000167	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	0201000167	2	15	30	070223(a)
3	000588	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	0201000588	2	15	30	
4	000598	Giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	0201000598	2	15	30	
5	070231	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	0201070231	1	15	0	
6	070433	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1	0201070433	3	45	0	070223(a)
7	070440	Dinh dưỡng - Tiết chế	0201070440	1	15	0	
Học kỳ 7							
Học phần bắt buộc				14	195	30	
1	000206	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	0201000206	2	30	0	
2	000215	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	0201000215	2	30	0	
3	001305	Chăm sóc phục hồi chức năng	0201001305	2	15	30	070433(a)
4	001341	Quản lý điều dưỡng	0201001341	1	15	0	
5	070431	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 1	0201070431	3	45	0	070223(a)
6	070432	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 1	0201070432	2	30	0	
7	070434	Chăm sóc sức khỏe tâm thần 1	0201070434	2	30	0	
Học kỳ 8							
Học phần bắt buộc				11	30	390	
1	000183	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng 1	0201000183	1	15	0	
2	000207	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 - Thực hành	0201000207	2	0	90	000206(a)
3	000216	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 - Thực hành	0201000216	2	0	90	000215(a)
4	001629	Thực hành nghiên cứu khoa học (điều dưỡng)	0201001629	2	15	30	
5	070435	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 1 - TH	0201070435	2	0	90	070431(a)
6	070436	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1 - TH	0201070436	2	0	90	070433(a)
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	000187	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 2	0201000187	2	30	0	070432(a)
2	000189	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	0201000189	2	30	0	

3	000198	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3	0201000198	2	30	0	
4	000208	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	0201000208	2	30	0	000206(a)
5	000212	Chăm sóc sức khỏe tâm thần 2	0201000212	2	30	0	070434(a)
6	000217	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	0201000217	2	30	0	000215(a)
Học kỳ 9							
Học phần bắt buộc				11	0	495	
1	000184	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng 1 - Thực hành	0201000184	2	0	90	000183(a)
2	000774	Khóa luận tốt nghiệp cao đẳng - Điều dưỡng	0201000774	5	0	255	
3	070438	Thực tập cuối khóa - Cao đẳng điều dưỡng	0201070438	4	0	180	
Học phần tự chọn				1	0	45	
1	000188	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 2 - Thực hành	0201000188	1	0	45	000187(a)
2	000190	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm - Thực hành	0201000190	1	0	45	000189(a)
3	000199	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3 - Thực hành	0201000199	1	0	45	000198(a)
4	000209	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 - Thực hành	0201000209	1	0	45	000208(a)
5	000213	Chăm sóc sức khỏe tâm thần 2 - Thực hành	0201000213	1	0	45	000212(a)
6	000218	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 - Thực hành	0201000218	1	0	45	000217(a)

8. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Tích lũy đủ 115 tín chỉ khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp của Chương trình và thỏa mãn các điều kiện theo Điều 27 Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT.

9. MÔ TẢ NỘI DUNG HỌC PHẦN

001231 Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000565 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tư tưởng Hồ Chí Minh).

Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

001840 Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những NLCB của Chủ nghĩa Mác – Lênin).

Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000047 Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn THPT).

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh.

000048 Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: Học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Các học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Những kiến thức cơ bản đó gồm: Ngữ âm học, ngữ âm ứng dụng, âm vị học và các cấu trúc ngữ pháp cơ bản. Yêu cầu đạt được trình độ trung cấp (intermediate level).

000592 Giáo dục thể chất 1: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học Đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng Sư phạm và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học và cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

000593 Giáo dục thể chất 2: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học Đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao

đăng Sư phạm và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học và cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

000594 Giáo dục thể chất 3: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học Đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng Sư phạm và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học và cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

000585 Giáo dục quốc phòng: 135 tiết

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

001795 TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2).

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu những bài học ở cấp độ cao hơn.

001796 TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (TOEIC 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu những bài học ở cấp độ cao hơn.

001760 Tin học văn phòng – Thực hành: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về máy tính và các kỹ năng tối thiểu để sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cứng ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm văn phòng ở mức

tối thiểu.

001438 Sinh học và di truyền: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử), giúp cho việc học các môn y học cơ sở và lâm sàng, làm được một số kỹ thuật để minh họa kiến thức sinh học đại cương. Cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người, thực hiện được một số xét nghiệm di truyền học; thực hiện được một số phương pháp nghiên cứu y sinh học ở người tại phòng thực tập; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

001882 Vật lý đại cương và lý sinh: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về các dạng vận động vật lý và các qui luật của nó trong thế giới tự nhiên; nguyên lý vận dụng các qui luật vận động của các ion qua màng tế bào vào các kỹ thuật xét nghiệm y học như điện tâm đồ, điện cơ đồ, điện não đồ...; thực hiện được một số phương pháp đo lường trong Vật lý - Lý sinh tại phòng thực tập; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

001937 Xác suất, thống kê y học: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về các quy luật của giải tích toán học và hiện tượng ngẫu nhiên. Tổng quan về xác suất, khái niệm thống kê, những đặc trưng thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ... giúp cho sinh viên biết cách vận dụng để giải các bài toán ứng dụng và xử lý được các bài toán thống kê trong y học.

070003 Hóa học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết hoá học các nguyên tố; lý thuyết hoá vô cơ, hữu cơ, vận dụng được các kiến thức hoá học vào các môn học khác; thực hiện được một số phản ứng hoá học cơ bản tại phòng thực tập; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính

xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

000561 Dược lý điều dưỡng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về sự hấp thu, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể. Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng các thuốc thông dụng; nhận biết được hình dạng, tính chất, tác dụng của một số thuốc cơ bản tại phòng thực tập; vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh; hình thành và rèn luyện được thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

070227 Giải phẫu - Sinh lý: 4 (45, 30, 105)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng những kiến thức cơ bản về cấu tạo, giải phẫu của hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu vào các môn học khác.

070237 Sinh lý: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Vận dụng những kiến thức về sinh lý học vào việc học tập các môn điều dưỡng lâm sàng. Quan sát hoạt động sinh lý của một số chức năng và cơ quan chủ yếu trên động vật thực nghiệm. Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

001298 Pháp luật và tổ chức y tế: 1 (15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Pháp luật và tổ chức y tế là môn học nghiên cứu các kiến thức pháp luật cơ bản, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác y tế, quản lý và tổ chức bộ máy ngành y tế. Môn học này giúp cho sinh viên nắm được lý luận và kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; nắm được nội dung chính của những quy định pháp luật về lĩnh vực y tế. Xây dựng được ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản

về các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động y tế, điều dưỡng. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tổ chức và hoạt động của hệ thống y tế Việt Nam từ Trung ương đến địa phương; Hệ thống tổ chức quản lý ngành điều dưỡng, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đó.

070238 Sinh lý bệnh – miễn dịch: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Giải phẫu).

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về các quá trình sinh lý có thể xảy ra trong cơ thể khi bị bệnh, về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, về vai trò của hệ thống miễn dịch trong việc bảo vệ cơ thể và phòng chống bệnh tật. Cung cấp kiến thức cơ bản về quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình. Quan sát diễn biến của một số bệnh lý điển hình khi bị bệnh trên động vật thí nghiệm. Vận dụng kiến thức của môn học vào việc học tập các môn điều dưỡng lâm sàng, chăm sóc người bệnh và nghiên cứu khoa học.

001899 Vi sinh – Ký sinh trùng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức về đặc điểm vi sinh vật học cơ bản: hình thể, bắt màu, nuôi cấy, gây bệnh, miễn dịch. Mối tương tác giữa vi sinh vật với cơ thể con người, môi trường chỉ phối sự gây bệnh, chẩn đoán vi sinh. Giới thiệu một số vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp. Thực hiện lấy bệnh phẩm, làm tiêu bản trực tiếp và nhận định kết quả một số xét nghiệm vi sinh vật thông thường. Cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm hình thể, cấu tạo, sinh lý, sinh thái ký sinh và chu kỳ phát triển, gây bệnh của các loại ký sinh trùng gây bệnh và truyền bệnh hay gặp cho người Việt Nam. Đặc điểm bệnh học, đặc điểm dịch tễ học và tác hại do ký sinh trùng gây nên.

000407 Dịch tễ học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Xác suất thống kê y học).

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về những nội dung và nguyên tắc chính của dịch tễ và ứng dụng được các nguyên tắc này trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; mô tả và phân tích được tình trạng sức khỏe của một cộng đồng dân cư, những yếu tố quyết định một hiện tượng sức khỏe và tác động của những yếu tố đó trên một cộng đồng; nguyên tắc điều tra và kiểm soát một vụ dịch. Phân tích được đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng. Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe. Sử dụng được cách đánh giá tính tin cậy và giá trị của

các xét nghiệm và vai trò của các xét nghiệm trong phát hiện bệnh sớm. Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch.

070223 Điều dưỡng cơ bản 1: 5 (30, 90, 105)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Giải phẫu, Vi sinh - Ký sinh trùng)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và triết lý điều dưỡng: lịch sử điều dưỡng, mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng, đạo đức, định hướng phát triển, các học thuyết về điều dưỡng, qui trình điều dưỡng; các kỹ thuật cơ bản chăm sóc người bệnh. Tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện các kỹ thuật chăm sóc trên mô hình hoặc trên người đóng vai để sau này có thể tự tin khi được tiếp xúc và chăm sóc người bệnh trong quá trình đi thực tập điều dưỡng lâm sàng tại các bệnh viện.

070224 Điều dưỡng cơ bản 2: 5 (30, 90, 105)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên biệt nhằm hoàn thiện và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người điều dưỡng, giúp cho người điều dưỡng có thể chăm sóc được cho người bệnh trong các trạng thái bệnh lý phức tạp khác nhau; Tổ chức chăm sóc người bệnh và phát triển chiến lược thực hành điều dưỡng dựa vào bằng chứng. Rèn luyện kỹ năng hợp tác với bác sỹ, kỹ năng xử lý các tai biến do thuốc và thực hiện tốt chiến lược Tiêm an toàn và Phòng ngừa chuẩn nhằm đảm bảo an toàn cho người bệnh, cho bản thân và cho cộng đồng.

001891 Vệ sinh môi trường: 1 (15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Sức khỏe - Môi trường là một ngành khoa học ứng dụng nghiên cứu những tác động qua lại hữu cơ giữa môi trường với sức khỏe trong thực tiễn cuộc sống của con người, đề xuất những giải pháp hoặc biện pháp can thiệp về pháp luật, quản lý, khoa học công nghệ trong các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội khác nhau để giải quyết những tác động nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức về các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể phân tích được tác hại của các yếu tố môi trường (môi trường sống và môi trường lao động) đối với con người và vận dụng những kiến thức đã học vào việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

000685 Hoá sinh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hóa học).

Nội dung: Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hoá sinh học bao gồm: các loại sinh chất chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hoá của chúng ở tế bào, xúc tác sinh học, năng lượng sinh học và chuyển hoá năng lượng. Quan sát, thực hiện và hiểu được ý nghĩa của một số xét nghiệm cơ bản về hoá sinh lâm sàng. Vận dụng những kiến thức của môn học vào việc nghiên cứu học tập các môn điều dưỡng lâm sàng và nghiên cứu khoa học.

070440 Dinh dưỡng - Tiết chế: 1 (15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Dinh dưỡng - Tiết chế là môn học nghiên cứu mối quan hệ giữa thức ăn và con người. Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản về dinh dưỡng như giá trị của các chất dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Sau khi học xong phần này sinh viên có khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

001463 Sức khoẻ - Nâng cao sức khoẻ và hành vi con người: 1 (15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện các kỹ năng nâng cao sức khoẻ. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các khái niệm cơ bản của tâm lý học y học và hành vi con người; rèn luyện và nâng cao thái độ đúng trong khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

001951 Tâm lý học - Y đức: 1 (15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những khái niệm và nguyên tắc cơ bản về đạo đức điều dưỡng trong thực hành nghề nghiệp, trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc bảo vệ quyền của người bệnh khi chăm sóc họ, các bộ luật và quy định về đạo đức điều dưỡng (của Hội điều dưỡng Việt Nam và Quốc tế), những khó khăn về đạo đức khi chăm sóc sức khoẻ; phản ứng đạo đức và vị trí của nó trong thực hành điều dưỡng. Phân tích mối liên hệ giữa đạo đức với y đức và những đặc trưng của đạo đức người điều dưỡng Việt Nam.

001956 Y học cổ truyền: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.



Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Đại cương y học cổ truyền dân tộc; Các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng Y học cổ truyền dân tộc; Cách xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến y học cổ truyền dân tộc (lập kế hoạch và tổ chức thực hành chăm sóc).

070432 Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi. Phân tích và giải thích được những thay đổi về cấu tạo, chức năng của các cơ quan trong cơ thể người cao tuổi khi bị bệnh. Nêu được vai trò của người điều dưỡng trong việc chăm sóc phục hồi và nâng cao sức khỏe người cao tuổi khi bị các bệnh thường gặp

070431 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 1: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Điều dưỡng cơ bản 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản: Đại cương về chăm sóc sức khỏe người lớn bị các bệnh ngoại khoa thường gặp; Xác định các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực ngoại khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực ngoại khoa (Ngoại chung và các chuyên khoa hệ Ngoại).

070435 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 1 – TH: 2 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 1).

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện tiếp cận với người bệnh ngoại khoa, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc (lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện kỹ thuật chăm sóc) cho người lớn bị các bệnh ngoại khoa; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh ngoại khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp cho họ tự tin, thận trọng và xử trí đúng khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa ở các tình trạng bệnh lý cơ bản, điển hình.

070433 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1: 2 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Điều dưỡng cơ bản 1).

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản: Đại cương chăm sóc người bệnh nội khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực nội khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực nội khoa (Nội chung và các chuyên khoa hệ Nội).

070436 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1 – TH: 2 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (CS sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1).

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh nội khoa, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc (lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện kỹ thuật chăm sóc) cho người lớn bị các bệnh nội khoa; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh nội khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp cho họ tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi chăm sóc người bệnh nội khoa ở các tình trạng bệnh lý cơ bản, điển hình.

070434 Chăm sóc sức khỏe tâm thần 1: 1 (15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản: Đại cương tâm thần, các liệu pháp tâm lý, ứng dụng liệu pháp tâm lý trong chăm sóc người bệnh tâm thần; Đặc điểm lâm sàng và hậu quả của các vấn đề về sức khỏe tâm thần; Chăm sóc sức khỏe tâm thần cho cá nhân, gia đình và cộng đồng (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh).

000167 Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Điều dưỡng cơ bản).

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản: Đại cương về chăm sóc các trường hợp cấp cứu, nguy kịch và đặc biệt; Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh); Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp đặc biệt: đột quỵ, hôn mê, co giật, ngộ độc... (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh).

000588 Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Giáo dục sức khỏe và thực hành Điều dưỡng là môn học nghiên cứu những cách thức tác động để thay đổi hành vi sức khỏe của con người. Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện các kỹ năng giáo dục sức khỏe cũng như vai trò của người điều dưỡng trong việc nâng cao sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Hướng dẫn cho sinh viên biết cách lựa chọn những phương pháp, phương tiện và kỹ năng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng lựa chọn các giải pháp can thiệp bằng truyền thông trong những trường hợp cụ thể.

000598 Giao tiếp trong thực hành điều dưỡng: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về các kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng lời và không lời khi tiếp xúc với người bệnh, gia đình và các nhân viên y tế khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng giao tiếp cần thiết để thiết lập mối quan hệ giữa người bệnh và nhân viên y tế, lấy người bệnh là trung tâm khi phát triển các mối quan hệ giao tiếp. Từ đó, hình thành phong cách và kỹ thuật giao tiếp.

070231 Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên cao đẳng điều dưỡng những kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện, các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện liên quan đến thực hành điều dưỡng, các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn để chẩn đoán và chăm sóc; nêu được vai trò của người điều dưỡng trong công tác kiểm soát nhiễm khuẩn.

001305 Chăm sóc phục hồi chức năng: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc SK người lớn bệnh nội khoa 1).

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản: Đại cương về phục hồi chức năng; Các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng phục hồi chức năng; Xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến phục hồi chức năng (lập kế hoạch và tổ chức thực hành chăm sóc).

000206 Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Đại cương chăm sóc sức khỏe phụ nữ; Các vấn đề sức khỏe phụ nữ: giai đoạn trước – trong và sau đẻ. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ về lĩnh vực phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh).

000207 Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 – TH: 2 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1).

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với các sản phụ, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc (lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện kỹ thuật chăm sóc) cho sản phụ; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh sản phụ khoa thường gặp với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp cho họ tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi chăm sóc sản phụ ở các tình trạng bệnh lý cơ bản, điển hình.

000215 Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản: Đại cương chăm sóc sức khỏe trẻ em, đặc điểm sinh lý, bệnh lý và các vấn đề sức khỏe của trẻ em theo từng giai đoạn phát triển; Chăm sóc sức khỏe cho trẻ em một cách toàn diện và hiệu quả.

000216 Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1– Thực hành: 2 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1).

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với trẻ em bị bệnh, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho trẻ em khỏe mạnh và trẻ em bị bệnh; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh nhi khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp, giúp cho họ tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi chăm sóc trẻ bệnh ở các tình trạng bệnh lý cơ bản, điển hình.

001341 Quản lý điều dưỡng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về:

- Khoa học quản lý và ứng dụng của nó trong hoạt động quản lý ngành y tế và ngành điều dưỡng, khái niệm về quản lý và lãnh đạo, các tiêu chuẩn của người quản lý, các phương pháp quản lý...
- Vai trò người điều dưỡng trong đội chăm sóc người bệnh; những khái niệm, chức năng, nhiệm vụ trong việc thực hành chăm sóc.
- Vai trò của các tổ chức nghề nghiệp như Hội Điều dưỡng Việt Nam, Hội Điều dưỡng Quốc tế,...

000183 Chăm sóc sức khỏe cộng đồng 1: 1 (15, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Xác suất thống kê y học, Dịch tễ học).

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản: Đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng, vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cộng đồng; Các vấn đề thuộc sức khỏe cộng đồng (dịch tễ học, chẩn đoán vấn đề sức khỏe của một nhóm người, của một gia đình, hay của một cộng đồng). Cách xác định được tình trạng sức khỏe của cộng đồng, các yếu tố tác động tới sức khỏe cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp... (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, cung cấp các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khỏe, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khỏe,...).

000184 Chăm sóc sức khỏe cộng đồng 1– Thực hành: 2 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Chăm sóc sức khỏe cộng đồng 1– TH).

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với cộng đồng dân cư, rèn luyện và nâng cao kỹ năng chẩn đoán sức khỏe cộng đồng, xác định tình trạng sức khỏe của cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng); Nâng cao kỹ năng tổ chức, quản lý và điều hành công việc khám chữa bệnh, quản lý bệnh tật của trạm y tế xã/phường.

001629 Thực hành nghiên cứu khoa học (điều dưỡng): 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Xác suất thống kê y học, Dịch tễ học).

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học Điều dưỡng, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu điều dưỡng và nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh, biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học; rèn luyện kỹ năng trình bày nghiên cứu điều dưỡng một cách khoa học.

000187 Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 1).

Nội dung: Bổ sung cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng những kiến thức chuyên sâu về đặc điểm cấu tạo, chức năng và quá trình bệnh lý ở người cao tuổi. Nêu được vai trò của người điều dưỡng trong quản lý, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người cao tuổi. Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong chăm sóc và giáo dục sức khỏe người cao tuổi.

000188 Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi 2 – Thực hành: 1 (0, 45, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc SK người bệnh cao tuổi 2).

Nội dung: Tạo cho sinh viên có điều kiện tiếp xúc với người cao tuổi bị bệnh và khỏe mạnh; triển khai thực hiện các biện pháp chăm sóc, hỗ trợ giúp đỡ về thể chất và tinh thần nhằm không ngừng nâng cao sức khỏe cho người cao tuổi tại bệnh viện, nhà dưỡng lão, gia đình và cộng đồng

000198 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Bổ sung cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và đề phòng các bệnh lý ngoại khoa điển hình và phức tạp; giáo dục và nâng cao sức

khỏe cho người lớn bị các bệnh ngoại khoa; xác định được những can thiệp điều dưỡng cần thiết và phù hợp trong khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa.

000199 Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3 – TH: 1 (0, 45, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3).

Nội dung: Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc với người bệnh ngoại khoa điển hình và phức tạp, triển khai thực hiện các biện pháp và lập kế hoạch chăm sóc thích hợp, toàn diện và hiệu quả trong khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa tại bệnh viện, gia đình và cộng đồng. Tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện các kỹ năng chẩn đoán, lập kế hoạch chăm sóc, triển khai các kỹ thuật chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho người bệnh ngoại khoa.

000208 Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc SK phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1).

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các bệnh sản phụ khoa điển hình, phức tạp, các biện pháp và kế hoạch chăm sóc thích hợp, toàn diện và hiệu quả tại bệnh viện, nhà hộ sinh, gia đình và cộng đồng.

000209 Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 – TH: 1 (0, 45, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2)

Nội dung: Tạo cho sinh viên có điều kiện tiếp xúc, quan sát và trực tiếp chăm sóc, quản lý, giáo dục sức khỏe cho các sản phụ một cách toàn diện, hiệu quả; giúp cho sinh viên tự tin khi tiếp xúc, chăm sóc, xử trí và giáo dục sức khỏe cho sản phụ.

000189 Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bệnh truyền nhiễm: nguyên nhân, đường lây truyền, nguyên tắc điều trị, kế hoạch chăm sóc, các biện pháp phòng ngừa lây truyền và nội dung cần giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người khỏe và cộng đồng.

000190 Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm – Thực hành: 1 (0, 45, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm).

Nội dung: Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh truyền nhiễm, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho người bệnh truyền nhiễm; qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh truyền nhiễm với kỹ năng

thực hành chăm sóc thích hợp, giúp cho họ tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong khi tiếp xúc, điều trị, chăm sóc và quản lý người bệnh bị các bệnh truyền nhiễm.

000212 Chăm sóc sức khỏe tâm thần 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe tâm thần 1).

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các bệnh tâm thần, các biện pháp chăm sóc, quản lý, đối xử và nâng cao sức khỏe cho người bệnh tâm thần, tạo môi trường xã hội nhân đạo, công bằng, văn minh.

000213 Chăm sóc sức khỏe tâm thần 2 – Thực hành: 1 (0, 45, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Chăm sóc sức khỏe tâm thần 2).

Nội dung: Tạo cho sinh viên có điều kiện tiếp xúc với người bệnh tâm thần, triển khai thực hiện các biện pháp chăm sóc, quản lý, đối xử nhằm nâng cao sức khỏe cho người bệnh tâm thần. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, chăm sóc, giáo dục và quản lý người bệnh tâm thần trong bệnh viện, gia đình và cộng đồng.

000217 Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1).

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các bệnh nhi khoa phức tạp, các biện pháp và kế hoạch chăm sóc thích hợp, toàn diện và hiệu quả tại bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường học, gia đình và cộng đồng.

000218 Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2 – Thực hành: 1 (0, 45, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần song hành (Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2).

Nội dung: Tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp xúc với trẻ em bị bệnh điển hình và phức tạp, triển khai thực hiện và rèn luyện các kỹ năng chẩn đoán, lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ em một cách toàn diện, hiệu quả tại bệnh viện, gia đình và cộng đồng.

000028 Anh văn chuyên ngành: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2).

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng chuyên ngành, các kỹ năng giao tiếp thông dụng và lồng ghép các bài học, bài tập bằng tiếng anh chuyên ngành điều dưỡng. Nhờ đó, giúp cho sinh viên có thể từng bước tiếp cận được với ngoại ngữ tiếng anh chuyên ngành, có thể thực hiện được giao tiếp thông thường và tham khảo được tài liệu nước ngoài bằng tiếng anh hoặc trên mạng để không ngừng nâng cao trình độ và cập nhật thông tin điều dưỡng, áp dụng được những tiến bộ về kỹ

thuật chăm sóc người bệnh vào công việc hàng ngày của người điều dưỡng...

070438 Thực tập cuối khóa: 4 (0, 180)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tất cả các học phần thuộc phần kiến thức bắt buộc)

Nội dung: Đợt thực tập tốt nghiệp vào cuối khóa học, trước khi thi tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được quy trình vô khuẩn, tiệt khuẩn tại bệnh viện, ...

000774 Khóa luận tốt nghiệp cao đẳng – Điều dưỡng/ Môn thay thế khóa luận: 5 (0, 225)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Thực tập cuối khóa cao đẳng – Điều dưỡng).

Nội dung: Thời gian làm khóa luận: 10 tuần. Khóa luận tốt nghiệp được hội đồng đánh giá theo quy định.

Điều kiện làm Khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên có điểm trung bình chung trong 3 năm học đều đạt từ loại khá trở lên. Tích lũy đủ 110 tín chỉ theo quy định chương trình đào tạo.

Đối với những sinh viên không đủ điều để làm khóa luận tốt nghiệp theo quy định thì được phép học môn thay thế học phần khóa luận tốt nghiệp để đủ điều kiện tốt nghiệp.

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

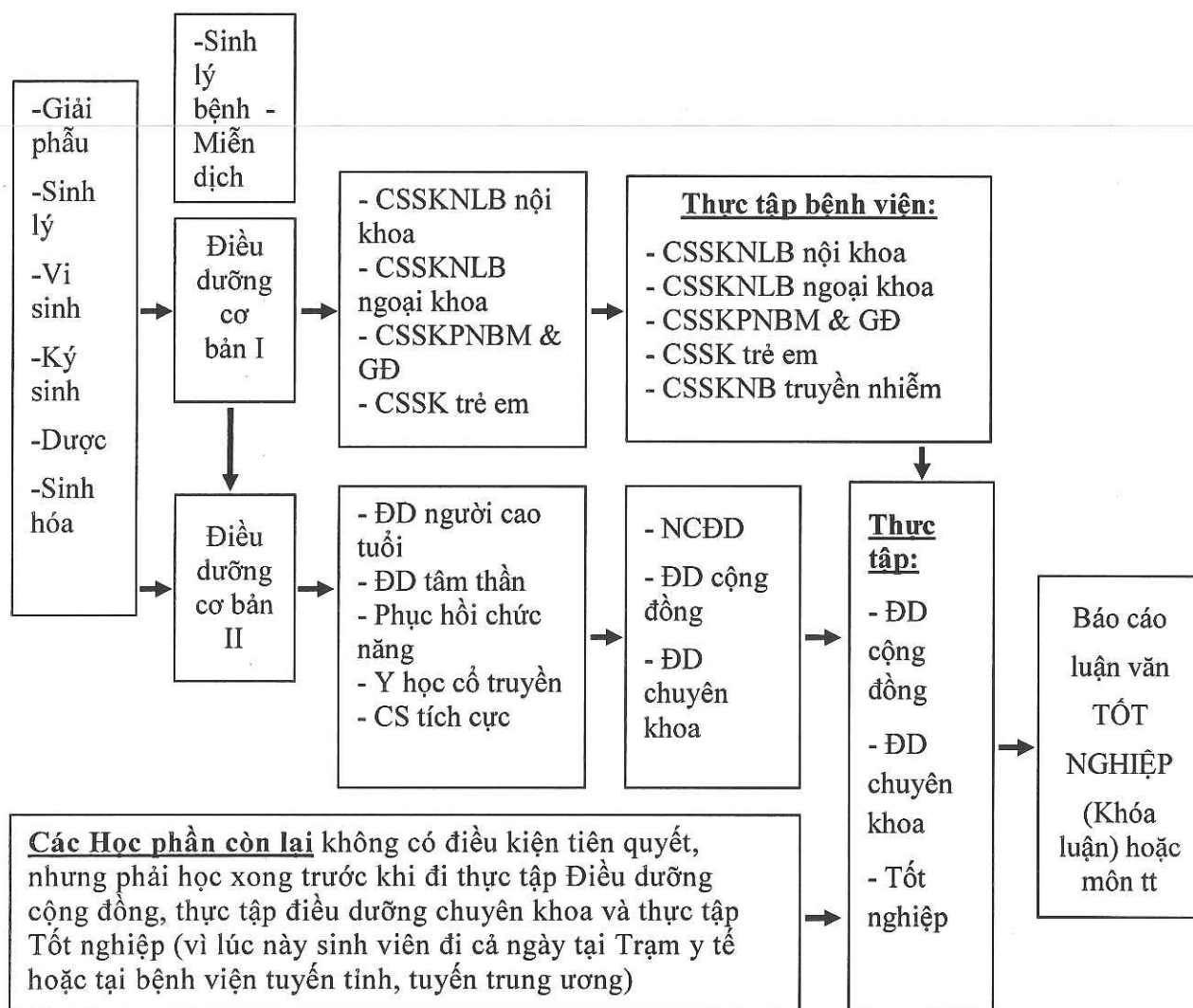
10.1. XẾP LỊCH DẠY HỌC MỘT CÁCH LOGIC

Khi xây dựng lịch dạy học cho mô hình quản lý theo niên chế hay quản lý theo hệ thống tín chỉ, phòng Đào tạo cần phân định rõ các môn học/học phần/tín chỉ độc lập hay phụ thuộc:

- Các học phần độc lập: là những học phần không cần điều kiện tiên quyết, và sự nhận thức chúng không cần đến kiến thức của các học phần khác (học phần tiên quyết). Do vậy, có thể bố trí dạy các học phần này vào bất kỳ thời điểm nào trong quá trình đào tạo. Đó là các học phần giáo dục đại cương và một số học phần thuộc giáo dục chuyên nghiệp như Quản lý điều dưỡng và tổ chức y tế, tâm lý y học, y đức, sức khỏe môi trường, dinh dưỡng tiết chế...

- Các học phần phụ thuộc là những học phần cần phải trang bị trước những kiến thức của một hay một số học phần khác thì sinh viên mới có thể nhận thức được. Những học phần cần được trang bị trước là những học phần tiên quyết. Do vậy, cần bố trí các học

phần này theo trình tự logic trước – sau được phân biệt rõ ràng. Điều kiện tiên quyết được sơ đồ hóa trong sơ đồ sau:



Ví dụ: Học phần điều dưỡng cơ bản I chỉ được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên đã hoàn thành các học phần Giải phẫu, Sinh lý, Vi sinh, Ký sinh, Dược lý. Các học phần lý thuyết CSSK người lớn bệnh nội/ngoại khoa/truyền nhiễm, CSSK trẻ em, CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình, CSSK người cao tuổi, CSSK tâm thần, chăm sóc phục hồi chức năng, y học cổ truyền... chỉ được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên đã hoàn thành học phần điều dưỡng cơ bản I.

10.2. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

10.2.1. Lý thuyết:

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực
- Sinh viên được biết trước: lịch học lý thuyết và tài liệu tham khảo
- Có câu hỏi đề hướng dẫn sinh viên tìm đọc tài liệu

- Tăng cường thảo luận nhóm
- Học theo cách giải quyết vấn đề, theo tình huống.

10.2.2. Thực tập tại trường:

- Hướng dẫn thực hành theo nhóm nhỏ.
- Dạy theo phương pháp “bắt chước”, kèm cặp, đóng vai...
- Có protocol hướng dẫn thực hành tại labo

10.2.3. Thực tập tại bệnh viện:

- Theo công thức 1 kèm 2 để có 3 lợi ích: Một giáo viên điều dưỡng lâm sàng kèm 2 sinh viên trong suốt một đợt thực tập (quản lý, kèm cặp, hướng dẫn và đánh giá kết quả thực tập của sinh viên).

- Có chỉ tiêu tay nghề cụ thể cho từng đợt thực tập.
- Có phiếu đánh giá kèm 6 tiêu chí đánh giá: Chăm chỉ, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, thực hiện chỉ tiêu tay nghề, sự tiến bộ và mức độ thành thạo khi thực hiện các kỹ thuật chăm sóc, kiến thức chuyên môn.

10.2.4. Thông báo cho sinh viên biết các thông tin liên quan đến dạy – học:

- Ngay đầu khóa học, trong tuần lễ sinh hoạt công dân, phải công bố cho sinh viên biết và hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập
- Lịch giảng dạy – học lý thuyết, thực hành tại trường và tại bệnh viện
- Các môn học bắt buộc
- Các môn học đặc thù/chuyên khoa
- Hình thức/phương pháp thi/đánh giá kết quả học tập
- Phương pháp học tập hiệu quả.
- Tài liệu học tập/lượng giá
- Sinh viên đăng ký học các môn học chuyên khoa vào học kỳ I năm học thứ 3.

10.3. ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP VÀ KẾT THÚC HỌC PHẦN

10.3.1. Lý thuyết

- Kiểm tra sau mỗi học phần
- Xây dựng ngân hàng câu hỏi (câu hỏi trắc nghiệm khách quan), tiến tới thi trên máy vi tính.

10.3.2. Thực hành

- Dựa vào bảng kiểm có thang điểm.
- Đánh giá đạt/không đạt sau mỗi kỹ thuật chăm sóc.
- Mỗi học phần thực hành tại trường được quyết định đạt/không đạt dựa vào kết quả đánh giá tất cả các kỹ thuật chăm sóc (đạt trên 75%).

- Học phần thực hành tại bệnh viện được đánh giá theo thang điểm, dựa vào 6 tiêu chí:

- + Chăm chỉ
- + Đạo đức nghề nghiệp – Kỹ năng giao tiếp
- + Kiến thức chuyên môn
- + Thực hiện chỉ tiêu tay nghề
- + Thực hiện qui trình các kỹ thuật chăm sóc người bệnh
- + Sự tiến bộ và mức độ thành thạo thực hiện các kỹ thuật chăm sóc.

Thang điểm của 6 tiêu chí là:

Stt	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa	Qui định đạt mức điểm tối đa
1	Chăm chỉ	1,0	Đạt 100% thời gian đi bệnh viện. Luôn bên cạnh người bệnh để theo dõi, chăm sóc
2	Đạo đức nghề nghiệp – Kỹ năng giao tiếp	1,0	Nhiệt tình, cảm thông và hết lòng chăm sóc, hướng dẫn người bệnh. Nhân viên bệnh viện và người bệnh trong khoa yêu quý. Không có ai trong Khoa phản nản về thái độ
3	Kiến thức chuyên môn	2,0	Trình bày đúng và đầy đủ các tình huống lâm sàng xảy ra ở người bệnh được phân công chăm sóc
4	Thực hiện chỉ tiêu tay nghề	3,0	Hoàn thành 100% chỉ tiêu tay nghề theo qui định của nhà trường
5	Thực hiện qui trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh	2,0	Thực hiện đúng các qui trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh, đảm bảo vô khuẩn, tiêm an toàn
6	Sự tiến bộ và mức độ thành thạo	1,0	Sự tiến bộ và thành thạo có thể nhận thấy được sau đợt thực tập
Tổng điểm		10,0	Đạt trên 95% tất cả các tiêu chí trên

10.4. CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

- Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn thay thế đạt yêu cầu.
- Tích lũy đủ 115 tín chỉ và đảm bảo các yêu cầu tốt nghiệp theo quy chế 43/2007/QĐ-GDDT ngày 15/8/2007 để được công nhận tốt nghiệp./.



Ngành Điều dưỡng – Cao đẳng – K2013

TRƯỞNG PHÒNG ĐT

[Signature]
ThS. Nguyễn Lan Phương

TRƯỞNG KHOA

[Signature]
ThS. Trịnh Thị Loan

Trang 28/28